

## QUY ĐỊNH THỰC THI CỦA ỦY BAN (EU) 2021/1165 ngày 15 tháng 7 năm 2021

Cho phép sử dụng một số sản phẩm và chất nhất định trong sản xuất hữu cơ và lập danh sách của chúng.

(Văn bản có liên quan đến Khu vực Kinh tế Châu Âu)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Căn cứ vào Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Căn cứ vào Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ( 1 ), và đặc biệt là Điều 24(9) và điểm (a) của Điều 39(2) của điều đó,

Trong khi:

- (1) Theo Điều 9(3) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng theo Điều 24 của Quy định đó mới được sử dụng trong sản xuất hữu cơ với điều kiện việc sử dụng chúng trong sản xuất phi hữu cơ cũng đã được cho phép theo các quy định liên quan của luật Liên minh. Ủy ban đã đánh giá việc sử dụng một số sản phẩm và chất trong sản xuất hữu cơ trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc được nêu trong Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ( 2 ). Các sản phẩm và chất được chọn sau đó đã được cho phép theo các điều kiện cụ thể bởi Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ( 3 ) và được liệt kê trong một số Phụ lục của Quy định đó. Các mục tiêu và nguyên tắc được nêu trong Quy định (EU) 2018/848 tương tự như các mục tiêu và nguyên tắc trong Quy định (EC) số 834/2007. Vì cần phải đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ, các sản phẩm và chất đó nên được đưa vào danh sách hạn chế được thiết lập trên cơ sở Quy định (EU) 2018/848.
- (2) Ngoài ra, theo Điều 24(7) của Quy định (EU) 2018/848, các quốc gia thành viên đã đệ trình hồ sơ về một số sản phẩm và chất nhất định cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác, nhằm mục đích cấp phép và đưa chúng vào danh sách được thiết lập theo Quy định đó.
- (3) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định, đặc biệt là tại điểm 1.10.2. của Phần I Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số sản phẩm và chất được phép có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật như được đề cập tại điểm (a) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách các hoạt chất đó.
- (4) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định cụ thể tại điểm 1.9.3 của Phần I, các điểm 1.9.1.2(b), 1.9.2.2(d), 1.9.3.2(b) và 1.9.5.2(a) của Phần II và các điểm 2.2.2(c) và 2.3.2 và đoạn thực thể thứ hai của đoạn thứ tư của điểm 3.1.5.3 của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số loại phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng có thể được sử dụng để nuôi dưỡng cây trồng, cải thiện và làm giàu chất thải, nuôi trồng tảo hoặc môi trường chăn nuôi động vật thủy sản. Để phục vụ mục đích đó, Ủy ban nên cho phép sử dụng các loại phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng như được đề cập tại điểm (b) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 và lập danh sách của chúng.

( 1 ) OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1.

( 2 ) Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ngày 28 tháng 6 năm 2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định (EEC) số 2092/91 (OJ L 189, 20.7.2007, trang 1).

( 3 ) Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 quy định các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất hữu cơ, ghi nhãn và kiểm soát (OJ L 250, 18.9.2008, trang 1).

- (5) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định cụ thể tại điểm 1.4.1(i) và 1.5.2.3 của Phần II, điểm 3.1.3.1(d) của Phần III và điểm 2.3 của Phần V Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến có thể được sử dụng cho dinh dưỡng động vật. Để phục vụ mục đích đó, Ủy ban nên cho phép sử dụng các nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất và phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến như được đề cập trong điểm (c) và (d) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (6) Ngoài ra, một số nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ được phép sử dụng trực tiếp theo Quy định (EU) 2018/848. Để đảm bảo sự rõ ràng, các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đó cũng nên được liệt kê cùng với các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được cho phép theo Quy định này, kèm theo tham chiếu đến các điều khoản cụ thể của Quy định (EU) 2018/848.
- (7) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định, đặc biệt là tại điểm 1.11 của Phần I, điểm 1.5.1.6, 1.5.1.7 và 1.9.4.4(c) của Phần II, điểm 3.1.4.1(f) của Phần III, điểm 2.2.3 của Phần IV, điểm 2.4 của Phần V và điểm 1.4 của Phần VII của Phụ lục II và điểm 4.2 và 7.5 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848, chỉ một số sản phẩm và chất nhất định mới được sử dụng để làm sạch và khử trùng. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các sản phẩm làm sạch và khử trùng như được đề cập trong điểm (e), (f) và (g) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (8) Một số sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và công trình phục vụ chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản và sản xuất rong biển đã được đánh giá và liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008. Tuy nhiên, các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và công trình được sử dụng để sản xuất thực vật và các cơ sở chế biến và bảo quản cho đến nay chỉ được các quốc gia thành viên đánh giá và cấp phép. Trước khi cấp phép cho các sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ, cần phải tiến hành đánh giá ở cấp Liên minh châu Âu bởi Ủy ban với sự hỗ trợ của Nhóm Chuyên gia Tư vấn Kỹ thuật về Sản xuất Hữu cơ. Việc đánh giá đó cần bao gồm việc xem xét lại tất cả các sản phẩm và chất đã được cấp phép hiện có để làm sạch và khử trùng.
- (9) Để đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ, các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 và những sản phẩm được ủy quyền ở cấp độ các quốc gia thành viên nên tiếp tục được ủy quyền cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để cho phép thiết lập danh sách các sản phẩm làm sạch và khử trùng theo các quy định được nêu trong điểm (e), (f) và (g) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848. Tuy nhiên, những sản phẩm đó phải tuân thủ các yêu cầu liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 4 ) và Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 5 ) và với các tiêu chí hữu cơ được quy định trong Chương II và điểm (a) và (b) của Điều 24(3) của Quy định (EU) 2018/848.
- (10) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định, đặc biệt là tại điểm 2.2.1 và 2.2.2(a) của Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số phụ gia thực phẩm, bao gồm cả enzyme thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến có thể được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến như được đề cập tại điểm (a) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (11) Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được liệt kê tương ứng trong các phần A, B và C của Phụ lục VIII của Quy định (EC) số 889/2008. Tuy nhiên, theo công dụng và chức năng của chúng trong sản phẩm cuối cùng, một số sản phẩm đó có thể được phân loại là phụ gia chứ không phải là chất hỗ trợ chế biến. Việc phân loại này cần một phân tích cụ thể và toàn diện về các sản phẩm đó trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Phân tích như vậy nên được thực hiện trên tất cả các sản phẩm được liệt kê là chất hỗ trợ chế biến trong Quy định (EC) số 889/2008. Quá trình đó sẽ mất thời gian và không thể hoàn thành trước ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848. Do đó, các sản phẩm hiện được liệt kê là chất hỗ trợ xử lý trong Quy định (EC) số 889/2008 sẽ tiếp tục được liệt kê là chất hỗ trợ xử lý trong Quy định này cho đến khi một phân tích cụ thể và toàn diện được thực hiện.

( 4 ) Quy định (EC) số 648/2004 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 31 tháng 3 năm 2004 về chất tẩy rửa (OJ L 104, 8.4.2004,

trang 1).

( 5 ) Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 22 tháng 5 năm 2012 liên quan đến việc đưa ra thị trường và sử dụng các sản phẩm diệt khuẩn (OJ L 167, 27.6.2012, trang 1).

- (12) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định, đặc biệt là tại điểm 2.2.1 của Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ có thể được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Để phục vụ mục đích đó, Ủy ban nên cho phép sử dụng các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ như được đề cập tại điểm (b) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848 và lập danh sách của chúng. Các hồ sơ về nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến do các quốc gia thành viên đệ trình theo Điều 24(7) của Quy định (EU) 2018/848 đã được đánh giá trong Ủy ban Sản xuất Hữu cơ. Các sản phẩm và chất được lựa chọn đáp ứng các mục tiêu và nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) 2018/848 nên được đưa vào danh sách hạn chế được thiết lập bởi Quy định này, nếu cần thiết trong các điều kiện cụ thể.
- (13) Tuy nhiên, để tạo đủ thời gian cho các nhà sản xuất thích ứng với danh sách hạn chế mới về các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng và, đặc biệt là để tìm nguồn nguyên liệu nông nghiệp được sản xuất theo Quy định (EU) 2018/848, thì việc áp dụng danh sách các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm hữu cơ theo Quy định này từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 là phù hợp.
- (14) Xét đến thành phần của một số nguyên liệu nông nghiệp không hữu cơ, một số công dụng của chúng trong thực phẩm hữu cơ chế biến có thể tương ứng với các công dụng như phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm hoặc các sản phẩm và chất được đề cập trong điểm 2.2.2 của Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. Những công dụng đó yêu cầu giấy phép cụ thể theo điểm 2.2 của Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 và những công dụng đó không được phép thông qua giấy phép cho các nguyên liệu nông nghiệp không hữu cơ.
- (15) Trong một số trường hợp và điều kiện được quy định, đặc biệt là tại điểm 1.3(a) của Phần VII của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số chất hỗ trợ chế biến có thể được sử dụng để sản xuất men và các sản phẩm từ men. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm từ men như được đề cập tại điểm (c) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (16) Theo điểm 2.2 của Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng theo Điều 24 của Quy định đó trong sản xuất hữu cơ mới được sử dụng để sản xuất các sản phẩm của ngành rượu vang như được đề cập tại điểm (1) của Điều 1(2) của Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 6 ). Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các sản phẩm và chất đó và thiết lập danh sách của chúng.
- (17) Điều 45(2) của Quy định (EU) 2018/848 trao quyền cho Ủy ban cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và chất ở các nước thứ ba và các vùng xa xôi nhất của Liên minh. Cách thức bắt đầu thủ tục mà các quốc gia thành viên phải tuân theo đối với các vùng xa xôi nhất của Liên minh được quy định tại Điều 24(7) của Quy định đó. Tuy nhiên, thủ tục phải tuân theo đối với các giấy phép như vậy đối với các nước thứ ba không được nêu chi tiết trong Quy định (EU) 2018/848. Do đó, việc thiết lập thủ tục đó trong Quy định này là phù hợp, phù hợp với thủ tục phải tuân theo để cấp phép cho các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ trong Liên minh, như được quy định tại Điều 24 của Quy định (EU) 2018/848. Vì các giấy phép đó có thể được cấp trong thời hạn 2 năm có thể gia hạn, nên để tránh nhầm lẫn với các sản phẩm và chất được cấp phép không giới hạn thời gian, cần liệt kê các sản phẩm và chất liên quan trong một Phụ lục riêng.
- (18) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định (EC) số 889/2008 nên được bãi bỏ. Tuy nhiên, vì danh sách các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng sẽ không được thiết lập trước ngày 1 tháng 1 năm 2024, Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 vẫn tiếp tục được áp dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong bối cảnh đó, cần lưu ý rằng các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục đó mà không được phép sử dụng theo Quy định (EU) số 528/2012 thì không được dùng làm sản phẩm diệt khuẩn. Hơn nữa, danh sách các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được quy định trong Quy định này chỉ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Do đó, cần quy định rằng thực phẩm hữu cơ chế biến được sản xuất trước ngày 1 tháng 1 năm 2024 bằng các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được liệt kê trong Phụ lục IX của Quy định (EC) số 889/2008 có thể được đưa ra thị trường sau ngày đó cho đến khi hết hàng.

---

( 6 ) Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 17 tháng 12 năm 2013 thiết lập một tổ chức chung về thị trường sản phẩm nông nghiệp và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) số 922/72, (EEC) số 234/79, (EC) số 1037/2001 và (EC) số 1234/2007 (OJ L 347, 20.12.2013, tr. 671).

- (19) Giấy chứng nhận được cấp cho các nhà điều hành bởi các cơ quan có thẩm quyền, hoặc, nếu thích hợp, các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát theo Điều 35(1) của Quy định (EU) 2018/848 có thể được cấp từ ngày 1 tháng 1 năm 2022. Tuy nhiên, nó sẽ không được cung cấp cho tất cả các nhà điều hành liên quan vào ngày đó. Để đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ và bằng cách miễn trừ Điều 35(2) của Quy định (EU) 2018/848, bằng chứng tài liệu do các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp cho các nhà điều hành theo Điều 68 của Quy định (EC) số 889/2008 trước ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ vẫn có hiệu lực cho đến hết thời hạn hiệu lực. Tuy nhiên, theo Điều 38(3) của Quy định (EU) 2018/848, các nhà khai thác phải chịu sự xác minh tuân thủ ít nhất một lần một năm và, theo Điều 38(5) của Quy định đó, việc cấp chứng chỉ phải dựa trên kết quả của việc xác minh đó, thì hiệu lực không được vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (20) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này sẽ được áp dụng kể từ ngày Quy định (EU) 2018/848 có hiệu lực. Tuy nhiên, vì những lý do được nêu trong phần mở đầu 18 của Quy định này, các điều khoản liên quan đến danh sách các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng và danh sách các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.
- (21) Các biện pháp được quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban về Hữu cơ Sản xuất,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

#### Điều 1

##### Các hoạt chất trong thuốc bảo vệ thực vật

Để phục vụ mục đích của điểm (a) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các hoạt chất được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này mới được phép có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như được nêu trong Phụ lục đó, với điều kiện các sản phẩm bảo vệ thực vật đó:

- (a) đã được ủy quyền theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 7 );
- (b) được sử dụng theo các điều kiện sử dụng được quy định trong giấy phép của các sản phẩm có chứa chúng, do các quốc gia thành viên cấp; và
- (c) được sử dụng tuân thủ các điều kiện quy định trong Phụ lục của Quy định thực thi của Ủy ban (EU) Số 540/2011 ( 8 ).

#### Điều 2

##### Phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng

Đối với mục đích của điểm (b) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được liệt kê trong Phụ lục II của Quy định này có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng cho cây trồng, cải thiện và làm giàu chất thải hữu cơ hoặc nuôi trồng tảo hoặc môi trường chăn nuôi động vật thủy sản.

( 7 ) Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 21 tháng 10 năm 2009 về việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường (OJ L 309, 24.11.2009, trang 1).

( 8 ) Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 540/2011 ngày 25 tháng 5 năm 2011 thực thi Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng liên quan đến danh sách các hoạt chất được phê duyệt (OJ L 153, 11.6.2011, trang 1).

với điều kiện là chúng tuân thủ các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) Nghị quyết số 2003/2003 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 9 ), các Điều khoản áp dụng có liên quan của Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 10), Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 11) và Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ( 12) và, nếu có thể áp dụng, theo các quy định quốc gia dựa trên luật của Liên minh.

### Điều 3

Nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, hoặc nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất.

Đối với mục đích của điểm (c) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần A của Phụ lục III của Quy định này mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ làm nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc làm nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 13) và, trong trường hợp áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật pháp Liên minh châu Âu.

### Điều 4

Phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến

Đối với mục đích của điểm (d) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần B của Phụ lục III của Quy định này mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến được sử dụng trong dinh dưỡng động vật, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 14) và, nếu có thể áp dụng, theo các quy định quốc gia dựa trên luật của Liên minh.

### Điều 5

Sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng

1. Để phục vụ mục đích của điểm (e) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm được liệt kê trong Phần A của Phụ lục IV của Quy định này mới được sử dụng để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, máng dẫn nước, nhà cửa hoặc công trình được sử dụng cho sản xuất chăn nuôi, với điều kiện các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của pháp luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có thể áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên pháp luật Liên minh.

2. Để phục vụ mục đích của điểm (f) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm được liệt kê trong Phần B của Phụ lục IV của Quy định này mới được sử dụng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và công trình được sử dụng cho sản xuất thực vật, bao gồm cả kho chứa trên trang trại nông nghiệp, với điều kiện các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của pháp luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có thể áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên pháp luật Liên minh.

( 9 ) Quy định (EC) số 2003/2003 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 13 tháng 10 năm 2003 liên quan đến phân bón (OJ L 304, 21.11.2003, trang 1).

( 10 ) Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 5 tháng 6 năm 2019 quy định các quy tắc về việc cung cấp các sản phẩm phân bón của EU trên thị trường và sửa đổi Quy định (EC) số 1069/2009 và (EC) số 1107/2009 và bãi bỏ Quy định (EC) số 2003/2003 (OJ L 170 25.6.2019, trang 1).

( 11 ) Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 21 tháng 10 năm 2009 quy định các quy tắc về sức khỏe liên quan đến các sản phẩm phụ và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật không dùng cho con người và bãi bỏ Quy định (EC) số 1774/2002 (OJ L 300, 14.11.2009, trang 1).

( 12 ) Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011 thực hiện Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng quy định các quy tắc về sức khỏe liên quan đến các sản phẩm phụ và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật không dùng cho con người và thực hiện Chỉ thị 97/78/EC của Hội đồng liên quan đến một số mẫu và mặt hàng được miễn kiểm tra thú y tại biên giới theo Chỉ thị đó (OJ L 54, 26.2.2011, trang 1).

( 13 ) Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 13 tháng 7 năm 2009 về việc đưa ra thị trường và sử dụng thức ăn chăn nuôi, sửa đổi Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng và bãi bỏ Chỉ thị 79/373/EEC của Hội đồng, Chỉ thị 80/511/EEC của Ủy ban, các Chỉ thị 82/471/EEC, 83/228/EEC, 93/74/EEC, 93/113/EC và 96/25/EC của Hội đồng và Quyết định 2004/217/EC của Ủy ban (OJ L 229, 1.9.2009, trang 1).

( 14 ) Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 22 tháng 9 năm 2003 về các chất phụ gia dùng trong dinh dưỡng động vật (OJ L 268, 18.10.2003, trang 29).

3. Để phục vụ mục đích của điểm (g) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm được liệt kê trong Phần C của Phụ lục IV của Quy định này mới được sử dụng để làm sạch và khử trùng trong các cơ sở chế biến và lưu trữ, với điều kiện các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) Số 528/2012 và, nếu có thể áp dụng, theo các quy định quốc gia dựa trên luật pháp Liên minh châu Âu.

4. Trong khi chờ được đưa vào Phần A, B hoặc C của Phụ lục IV của Quy định này, các sản phẩm làm sạch và khử trùng được đề cập trong các điểm (e), (f) và (g) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định (EC) số 834/2007 hoặc theo luật quốc gia trước ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848 có thể tiếp tục được sử dụng nếu chúng tuân thủ các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) Nghị định số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có thể áp dụng, theo các quy định quốc gia dựa trên luật của Liên minh châu Âu.

#### Điều 6

##### Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến

Đối với mục đích của điểm (a) Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần A của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng làm phụ gia thực phẩm, bao gồm cả enzyme thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 15) và, trong trường hợp áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật pháp Liên minh châu Âu.

#### Điều 7

Nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến.

Đối với mục đích của điểm (b) Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những nguyên liệu nông nghiệp không hữu cơ được liệt kê trong Phần B của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh và, nếu có thể áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Đoạn đầu tiên không ảnh hưởng đến các yêu cầu chi tiết về sản xuất thực phẩm chế biến hữu cơ được quy định tại Mục 2 Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. Cụ thể, đoạn đầu tiên không áp dụng cho các nguyên liệu nông nghiệp không hữu cơ được sử dụng làm phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến hoặc các sản phẩm và chất được đề cập tại điểm 2.2.2 Phần IV Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848.

#### Điều 8

Các chất hỗ trợ trong quá trình sản xuất men và các sản phẩm từ men.

Đối với mục đích của điểm (c) Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ những sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần C của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng làm chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm từ men dùng cho thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh và, nếu có thể áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

( 15) Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phụ gia thực phẩm (OJ L 354, 31.12.2008, trang 16).

## Điều 9

## Các sản phẩm và chất dùng trong sản xuất rượu vang hữu cơ

Đối với mục đích của điểm 2.2 của Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần D của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng để sản xuất và bảo quản các sản phẩm nho hữu cơ như được đề cập trong Phần II của Phụ lục VII của Quy định (EU) số 1308/2013, với điều kiện việc sử dụng chúng phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là trong giới hạn và điều kiện được quy định trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Quy định được Ủy ban ủy quyền (EU) 2019/934 ( 16) và, nếu có thể áp dụng, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

## Điều 10

Thủ tục cấp phép sử dụng cụ thể các sản phẩm và chất tại một số khu vực nhất định của các nước thứ ba

1. Trường hợp cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) của Quy định (EU) 2018/848 xem xét rằng một sản phẩm hoặc chất nên được cấp phép sử dụng cụ thể tại một khu vực nhất định bên ngoài Liên minh do các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 45(2) của Quy định đó, cơ quan này có thể yêu cầu Ủy ban tiến hành đánh giá.

Vì mục đích đó, cơ quan này phải thông báo cho Ủy ban một hồ sơ mô tả sản phẩm hoặc chất liên quan, nêu rõ lý do cho việc cấp phép cụ thể đó và giải thích tại sao các sản phẩm và chất được cấp phép theo Quy định này không phù hợp để sử dụng do các điều kiện cụ thể trong lĩnh vực liên quan. Cơ quan này phải đảm bảo rằng hồ sơ đó phù hợp để được công khai theo luật pháp của Liên minh và luật pháp quốc gia của các nước thành viên về bảo vệ dữ liệu.

2. Ủy ban sẽ chuyển yêu cầu nêu tại khoản 1 cho các quốc gia thành viên và sẽ công bố bất kỳ yêu cầu nào như vậy.

3. Ủy ban sẽ phân tích hồ sơ được đề cập tại khoản 1. Ủy ban chỉ cấp phép cho sản phẩm hoặc chất đó theo các điều kiện cụ thể được nêu trong hồ sơ nếu kết quả phân tích tổng thể kết luận rằng:

(a) việc ủy quyền cụ thể như vậy là hợp lý trong khu vực liên quan;

(b) sản phẩm hoặc chất được mô tả trong hồ sơ tuân thủ các nguyên tắc được quy định trong Chương II, các tiêu chí được đặt ra được nêu trong Điều 24(3) và điều kiện được nêu trong Điều 24(5) của Quy định (EU) 2018/848; và

(c) việc sử dụng sản phẩm hoặc chất này phải phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là đối với các hoạt chất có trong sản phẩm bảo vệ thực vật, theo Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 17).

Sản phẩm hoặc chất được phép sử dụng phải được liệt kê trong Phụ lục VI của Quy định này.

4. Khi thời hạn 2 năm được đề cập trong Điều 45(2) của Quy định (EU) 2018/848 hết hạn, giấy phép sẽ tự động được gia hạn thêm một thời hạn 2 năm nữa, với điều kiện không có yếu tố mới nào và không có Quốc gia thành viên hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức kiểm soát nào được công nhận theo Điều 46(1) của Quy định (EU) 2018/848 phản đối, biện minh rằng kết luận của Ủy ban được đề cập trong đoạn 3 cần được đánh giá lại.

## Điều 11

## Bãi bỏ

Quy định (EC) số 889/2008 bị bãi bỏ.

Tuy nhiên, Phụ lục VII và IX vẫn sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

( 16) Quy định được Ủy ban ủy quyền (EU) 2019/934 ngày 12 tháng 3 năm 2019 bổ sung Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng liên quan đến các khu vực trồng nho nơi có thể tăng nồng độ cồn, các hoạt động sản xuất rượu vang được phép và các hạn chế áp dụng cho việc sản xuất và bảo quản các sản phẩm từ nho, tỷ lệ cồn tối thiểu đối với các sản phẩm phụ và việc xử lý chúng, và việc công bố các hồ sơ OIV (OJ L 149, 7.6.2019, trang 1).

( 17) Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 23 tháng 2 năm 2005 về mức dư lượng tối đa của thuốc trừ sâu trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật và sửa đổi Chỉ thị 91/414/EEC của Hội đồng (OJ L 70, 16.3.2005, trang 1).

## Điều 12

## Điều khoản chuyển tiếp

1. Để phục vụ mục đích của Điều 5(4) của Quy định này, các sản phẩm làm sạch và khử trùng được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 có thể tiếp tục được sử dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, máng dẫn nước, nhà cửa hoặc công trình được sử dụng cho sản xuất chăn nuôi, theo Phần D của Phụ lục IV của Quy định này.
2. Để phục vụ mục đích của điểm (b) Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848, các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được liệt kê trong Phụ lục IX của Quy định (EC) số 889/2008 có thể tiếp tục được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thực phẩm hữu cơ chế biến được sản xuất trước ngày 1 tháng 1 năm 2024 bằng các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ đó có thể được đưa ra thị trường sau ngày đó cho đến khi hết hàng.
3. Các bằng chứng tài liệu được cấp theo Điều 68 của Quy định (EC) số 889/2008 trước ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## Điều 13

## Ngày có hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu.

Quy định này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Tuy nhiên, Điều 5(1), (2) và (3) và Điều 7 sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Quy định này có hiệu lực ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp tại tất cả các quốc gia thành viên.

Hoàn thành tại Brussels, ngày 15 tháng 7 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula von der Leyen

## PHỤ LỤC I

Các hoạt chất có trong sản phẩm bảo vệ thực vật được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như được đề cập trong điểm (a) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

Các hoạt chất được liệt kê trong Phụ lục này có thể có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như đã nêu trong Phụ lục này, với điều kiện các sản phẩm bảo vệ thực vật này được cấp phép theo Quy định (EC) số 1107/2009.

Các sản phẩm bảo vệ thực vật này phải được sử dụng tuân thủ các điều kiện quy định trong Phụ lục của Quy định thực thi (EU) số 540/2011 và phù hợp với các điều kiện được quy định trong giấy phép do các quốc gia thành viên nơi sử dụng cấp. Các điều kiện sử dụng nghiêm ngặt hơn đối với sản xuất hữu cơ được quy định trong cột cuối cùng của mỗi bảng dưới đây.

Theo Điều 9(3) của Quy định (EU) 2018/848, chất bảo vệ, chất hiệp đồng và chất phụ gia là thành phần của thuốc bảo vệ thực vật và chất phụ trợ được trộn với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với điều kiện chúng được cấp phép theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các chất trong Phụ lục này chỉ được sử dụng để kiểm soát dịch hại như được định nghĩa trong Điều 3(24) của Quy định (EU) 2018/848.

Theo điểm 1.10.2 của Phần I của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, các chất này chỉ có thể được sử dụng khi cây trồng không thể được bảo vệ đầy đủ khỏi sâu bệnh bằng các biện pháp được quy định tại điểm 1.10.1 của Phần I đó, đặc biệt là bằng cách sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học, chẳng hạn như côn trùng có lợi, ve và tuyến trùng tuân thủ các quy định của Quy định (EU) số 1143/2014 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 1 ).

Để phục vụ mục đích của Phụ lục này, các hoạt chất được chia thành các tiểu loại sau:

## 1. Các chất cơ bản

Các chất cơ bản được liệt kê trong Phần C của Phụ lục Quy định thực thi (EU) số 540/2011, có nguồn gốc thực vật hoặc động vật và dựa trên thực phẩm như được định nghĩa trong Điều 2 của Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 2 ) có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ. Các chất cơ bản như vậy được đánh dấu bằng dấu sao trong bảng dưới đây. Chúng phải được sử dụng theo các mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế được quy định trong các báo cáo đánh giá liên quan ( 3 ) và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, trong cột cuối cùng của bảng dưới đây.

Các chất cơ bản khác được liệt kê trong Phần C của Phụ lục Quy định thực thi (EU) số 540/2011 chỉ được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi chúng được liệt kê trong bảng dưới đây. Các chất cơ bản này phải được sử dụng theo các mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế được quy định trong các báo cáo đánh giá liên quan và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, trong cột bên phải của bảng dưới đây.

Không được sử dụng các chất cơ bản làm thuốc diệt cỏ.

Số và Mục phần của Phụ lục ( 1 )	CAS	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
1C		Equisetum arvense L.*	
2C	9012-76-4	Chitosan hydrochloride*	thu được từ Aspergillus hoặc nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, như được định nghĩa trong Điều 2 của Quy định (EU) Số 1380/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ( 2 )

( 1 ) Quy định (EU) số 1143/2014 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 22 tháng 10 năm 2014 về phòng ngừa và quản lý việc du nhập và lan rộng các loài ngoại lai xâm lấn (OJ L 317, 4.11.2014, tr. 35).

( 2 ) Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 28 tháng 1 năm 2002 quy định các nguyên tắc và yêu cầu chung của luật thực phẩm, thành lập Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu và quy định các thủ tục trong các vấn đề an toàn thực phẩm (OJ L 31, 1.2.2002, trang 1).

( 3 ) Có sẵn trong Cơ sở dữ liệu thuốc trừ sâu: <https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/active-substances/?event=search>.

3C	57-50-1	Đường sucrose*	
4C	1305-62-0	Canxi hydroxit	
5C	90132-02-8	Giấm*	
6C	8002-43-5	Lecithin*	
7C	-	Vỏ cây Salix spp.*	
8C	57-48-7	Fructose*	
9C	144-55-8	Natri hydro cacbonat	
10 độ C	92129-90-3	Whey*	
11C	7783-28-0	Diammonium phosphate	chỉ trong bầy
12 độ C	8001-21-6	Dầu hướng dương*	
14 độ C	84012-40-8 90131-83-2	Urtica spp. (Chiết xuất Urtica dioica) (Chiết xuất Urtica urens)*	
15 độ C	7722-84-1	Hydrogen peroxide	
16 độ C	7647-14-5	Natri clorua	
17 độ C	8029-31-0	Bia*	
18 độ C	-	Bột hạt mù tạt*	
20 độ C	8002-72-0	Dầu hành tây*	
21C	52-89-1	L-cysteine (E 920)	
22 độ C	8049-98-7	Sữa bò*	
23 độ C	-	chiết xuất củ Allium cepa* L.	
		Các chất cơ bản khác có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật và dựa trên thực phẩm*	

( 1 ) Liệt kê theo Quy định thực thi (EU) số 540/2011, số và loại: Phần A các hoạt chất được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, C các chất cơ bản, D các hoạt chất có rủi ro thấp và E các ứng viên thay thế.

( 2 ) Quy định (EU) số 1380/2013 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 11 tháng 12 năm 2013 về Chính sách Thủy sản Chung, sửa đổi Quy định của Hội đồng (EC) số 1954/2003 và (EC) số 1224/2009 và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 2371/2002 và (EC) số 639/2004 và Quyết định của Hội đồng 2004/585/EC (OJ L 354, 28.12.2013, trang 22).

## 2. Các hoạt chất có rủi ro thấp

Các hoạt chất có rủi ro thấp, không phải vi sinh vật, được liệt kê trong Phần D của Phụ lục Quy định thực thi (EU)

Các chất có hoạt tính rủi ro thấp theo Nghị định số 540/2011 có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi chúng được liệt kê trong bảng dưới đây hoặc ở những nơi khác trong Phụ lục này. Các hoạt chất rủi ro thấp này phải được sử dụng theo các mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế quy định tại Nghị định (EC) số 1107/2009 và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, trong cột cuối cùng của bảng dưới đây.

Số và Mặt phần của Phụ lục ( 1 )	CAS	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
2D		COS-OGA	
3D		Cerevisane và các sản phẩm khác dựa trên các mảnh tế bào của vi sinh vật.	Không có nguồn gốc biến đổi gen.

5D	10045-86-6	Sắt(III) photphat (orthophosphat)	
12D	9008-22-4	Lốp	Rong biển phải được thu hoạch từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc thu thập theo cách bền vững theo điểm 2.4 của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848

( 1 ) Liệt kê theo Quy định thực thi (EU) số 540/2011, số và loại: Phần A các hoạt chất được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, C các chất cơ bản, D các hoạt chất có rủi ro thấp và E các ứng viên thay thế.

### 3. Vi sinh vật

Tất cả các vi sinh vật được liệt kê trong Phần A, B và D của Phụ lục Quy định thực thi (EU) số 540/2011 đều có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với điều kiện chúng không có nguồn gốc GMO và chỉ khi được sử dụng theo đúng các mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế được quy định trong các báo cáo đánh giá liên quan. Vi sinh vật, bao gồm cả virus, là các tác nhân kiểm soát sinh học được coi là các chất hoạt động theo Quy định (EC) số 1107/2009.

### 4. Các hoạt chất không thuộc bất kỳ loại nào nêu trên.

Các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009 và được liệt kê trong bảng dưới đây chỉ được sử dụng làm thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi được sử dụng theo đúng các mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế quy định tại Quy định (EC) số 1107/2009 và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, ở cột bên phải của bảng dưới đây.

Số lượng và một phần của Phụ lục ( 1 )	CAS	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
139A	131929-60-7 131929-63-0	Spinosad	
225A	124-38-9	Khí cacbonic	
227A	74-85-1	Ethylene	Thuốc này chỉ có tác dụng trên chuối và khoai tây; tuy nhiên, nó cũng có thể được sử dụng trên cây họ cam quýt như một phần của chiến lược phòng ngừa thiệt hại do ruồi đục quả gây ra.
230A	ia 67701-09-1	Axit béo	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
231A	8008-99-9	Chiết xuất tỏi ( <i>Allium sativum</i> )	
234A	Số CAS: Chưa được phân bổ CIPAC số 901	Các protein thủy phân, không bao gồm gelatin.	
244A	298-14-6	Kali hydro cacbonat	
249A	98999-15-6	Chất đuổi côn trùng có mùi gốc động vật hoặc thực vật/mỡ cừu	
255A và các loại khác		Pheromone và các chất bán hóa học khác	chỉ có trong bẫy và thiết bị phân phối
220A	1332-58-7	Nhôm silicat (cao lanh)	
236A	61790-53-2	Kieselgur (đất tảo cát)	

247A	14808-60-7 7637-86-9	Cát thạch anh	
343A	11141-17-6 84696-25-3	Azadirachtin (chiết xuất từ cây neem)	Chiết xuất từ hạt cây Neem ( <i>Azadirachta indica</i> )
240A	8000-29-1	Dầu sả	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
241A	84961-50-2	Dầu đinh hương	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
242A	8002-13-9	Dầu hạt cải	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
243A	8008-79-5	Dầu bạc hà	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
56A	8028-48-6 5989-27-5	Dầu cam	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
228A	68647-73-4	Dầu cây trà	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ.
246A	8003-34-7	Pyrethrin được chiết xuất từ thực vật	
292A	7704-34-9	Lưu huỳnh	
294A 295A 64742	46-7 72623-86-0 97862-82-3 8042-47-5	Dầu parafin	
345A	1344-81-6	Lưu huỳnh vôi (polysulfua canxi)	
44B	9050-36-6	Maltodextrin	
45B	97-53-0	Eugenol	
46B	106-24-1	Geraniol	
47B	89-83-8	Thymol	
Thứ 10	20427-59-2	Đồng hydroxit	phù hợp với việc thực hiện Quy định (EU) số 540/2011 chỉ cho phép sử dụng tổng lượng đồng tối đa 28 kg/ha trong thời gian 7 năm.
Thứ 10	1332-65-6 1332-40-7	Đồng oxyclorea	
Thứ 10	1317-39-1	Đồng oxit	
Thứ 10	8011-63-0	Hỗn hợp Bordeaux	
Thứ 10	12527-76-3	Đồng sunfat tribasic	
40A	52918-63-5	Deltamethrin,	chỉ trong bẫy có chất dẫn dụ đặc hiệu chống lại <i>Bactrocera oleae</i> và Viêm cổ tử cung
5E	91465-08-6	Lambda-cyhalothrin	chỉ trong bẫy có chất dẫn dụ đặc hiệu chống lại <i>Bactrocera oleae</i> và Viêm cổ tử cung

( 1 ) Liệt kê theo Quy định thực thi (EU) số 540/2011, số và loại: Phần A các hoạt chất được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, C các chất cơ bản, D các hoạt chất có rủi ro thấp và E các ứng viên thay thế.

## PHỤ LỤC II

Các loại phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng được phép sử dụng được đề cập trong điểm (b) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

Phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng ( 1 ) được liệt kê trong Phụ lục này có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với điều kiện chúng tuân thủ

- các luật pháp liên quan của Liên minh và quốc gia về sản phẩm phân bón, đặc biệt, nếu có thể áp dụng, Quy định (EC) Số 2003/2003 và Quy định (EU) 2019/1009; và
- Pháp luật của Liên minh châu Âu về các sản phẩm phụ từ động vật, đặc biệt là Quy định (EC) số 1069/2009 và Quy định (EU) Số 142/2011, đặc biệt là Phụ lục V và XI.

Theo điểm 1.9.6 của Phần I Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, các chế phẩm vi sinh vật có thể được sử dụng để cải thiện tình trạng tổng thể của đất hoặc để cải thiện khả năng hấp thụ chất dinh dưỡng trong đất hoặc trong cây trồng.

Chúng chỉ được sử dụng theo đúng các quy định và hạn chế sử dụng của luật pháp Liên minh và quốc gia tương ứng. Các điều kiện sử dụng nghiêm ngặt hơn đối với sản xuất hữu cơ được quy định ở cột bên phải của bảng.

Tên Sản phẩm hỗn hợp hoặc sản phẩm chỉ chứa các nguyên liệu được liệt kê dưới đây	Mô tả, điều kiện và giới hạn cụ thể
Phân chuồng	Sản phẩm bao gồm hỗn hợp phân động vật và chất thực vật (chất độn chuồng và thức ăn chăn nuôi) nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm
Phân chuồng khô và phân gia cầm đã khử nước	nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm
Phân động vật đã ủ, bao gồm phân gia cầm và phân chuồng đã ủ.	nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm
Chất thải lỏng của động vật	Sử dụng sau quá trình lên men có kiểm soát và/hoặc pha loãng thích hợp. nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm
Hỗn hợp rác thải sinh hoạt được ủ hoặc lên men.	Sản phẩm thu được từ rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, đã được xử lý bằng phương pháp ủ phân hoặc lên men kỵ khí để sản xuất khí sinh học.  chỉ rác thải sinh hoạt từ rau củ và động vật Chỉ khi được sản xuất trong hệ thống thu gom khép kín và được giám sát, được quốc gia thành viên chấp nhận. Nồng độ tối đa tính bằng mg/kg chất khô: cadmium: 0,7; đồng: 70; niken: 25; chì: 45; kẽm: 200; thủy ngân: 0,4; crom (tổng): 70; crom (VI): không phát hiện được
Than bùn	Việc sử dụng chỉ giới hạn trong lĩnh vực trồng trọt (làm vườn thương mại, trồng hoa, trồng cây cảnh, vườn ươm).
Chất thải từ nuôi trồng nấm	Thành phần ban đầu của chất nền phải được giới hạn ở các sản phẩm này. Phụ lục
Chất thải của giun (phân trùn quế) và hỗn hợp phân côn trùng-chất nền	trong trường hợp có liên quan theo Quy định (EC) số 1069/2009
Phân chim	
Hỗn hợp phân hữu cơ hoặc chất hữu cơ lên men từ thực vật	Sản phẩm thu được từ hỗn hợp chất thực vật, đã được ủ phân hoặc lên men kỵ khí để sản xuất khí sinh học.

( 1 ) Bao gồm đặc biệt tất cả các loại chức năng sản phẩm được liệt kê trong Phần I của Phụ lục I của Quy định (EU) 2019/1009.

<p>Bã thải sinh học chứa các sản phẩm phụ từ động vật được đồng phân hủy với vật liệu có nguồn gốc thực vật hoặc động vật như được liệt kê trong Phụ lục này.</p>	<p>các sản phẩm phụ từ động vật (bao gồm cả sản phẩm phụ từ động vật hoang dã) thuộc loại 3 và các chất chứa trong đường tiêu hóa thuộc loại 2 (các loại được định nghĩa trong (Quy định (EC) số 1069/2009) nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm Các quy trình phải tuân thủ theo Quy định (EU) số 142/2011 Không được bồi lên các bộ phận ăn được của cây trồng.</p>
<p>Các sản phẩm hoặc phụ phẩm có nguồn gốc động vật như sau:</p> <p>Bữa ăn máu</p> <p>Bột móng guốc</p> <p>Bữa ăn sừng</p> <p>Bột xương hoặc bột xương đã khử gelatin</p> <p>Bột cá</p> <p>Bữa ăn thịt</p> <p>Bột lông vũ, tóc và da ('chiquette')</p> <p>Len</p> <p>Lông (1)</p> <p>Tóc</p> <p>Sản phẩm từ sữa</p> <p>Protein thủy phân (2)</p>	<p>(1) Nồng độ tối đa tính bằng mg/kg chất khô của crom (VI): không có thể phát hiện được</p> <p>(2) Không được áp dụng cho các bộ phận ăn được của cây trồng</p>
<p>Sản phẩm và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm phân bón.</p>	<p>Ví dụ: bã hạt dầu, vỏ ca cao, thân mạch nha</p>
<p>Protein thủy phân có nguồn gốc thực vật</p>	
<p>Tảo và các sản phẩm từ tảo</p>	<p>trong phạm vi thu được trực tiếp bởi:</p> <p>(i) các quá trình vật lý bao gồm khử nước, đông lạnh và nghiền</p> <p>(ii) chiết xuất bằng nước hoặc dung dịch axit và/hoặc kiềm loãng</p> <p>(iii) quá trình lên men</p> <p>chỉ được sử dụng từ nguồn hữu cơ hoặc được thu hoạch theo phương pháp bền vững theo điểm 2.4 của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848</p>
<p>Mùn cưa và vụn gỗ</p>	<p>Gỗ không được xử lý hóa chất sau khi đốn hạ.</p>
<p>Vỏ cây ủ phân</p>	<p>Gỗ không được xử lý hóa chất sau khi đốn hạ.</p>
<p>Tro gỗ</p>	<p>Từ gỗ không qua xử lý hóa chất sau khi đốn hạ.</p>
<p>Đá phosphat mềm nghiền mịn</p>	<p>Sản phẩm thu được bằng cách nghiền các khoáng chất phosphat mềm và chứa tricalcium phosphate và calcium carbonate là các thành phần thiết yếu. Hàm lượng tối thiểu của các chất dinh dưỡng (phần trăm theo trọng lượng):</p> <p>25% P2O5</p> <p>Phốt pho được biểu thị dưới dạng P2O5 hòa tan trong axit khoáng, trong đó ít nhất 55% hàm lượng P2O5 đã công bố hòa tan trong axit formic 2%.</p> <p>kích thước hạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ít nhất 90% theo trọng lượng có thể lọt qua rây có kích thước mắt lưới là 0,063 mm</li> <li>- ít nhất 99% theo trọng lượng có thể lọt qua rây có kích thước mắt lưới là 0,125 mm</li> </ul>

	<p>Cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022, hàm lượng cadmium nhỏ hơn hoặc bằng 90 mg/kg P205;          Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng.          (EU) 2019/1009 áp dụng</p>
<p>Nhôm-canxi photphat</p>	<p>Sản phẩm thu được ở dạng vô định hình bằng phương pháp xử lý nhiệt và nghiền, chứa nhôm và canxi photphat là các thành phần thiết yếu.          Hàm lượng tối thiểu của các chất dinh dưỡng (phần trăm theo trọng lượng):</p> <p>30% P205</p> <p>Phốt pho được biểu thị dưới dạng P205 hòa tan trong axit khoáng, ít nhất 75% hàm lượng P205 đã công bố hòa tan trong amoni citrat kiềm (Joulie)</p> <p>Kích thước hạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ít nhất 90% theo trọng lượng có thể lọt qua rây có kích thước mắt lưới là 0,160 mm</li> <li>- ít nhất 98% theo trọng lượng có thể lọt qua rây có kích thước mắt lưới là 0,630 mm</li> </ul> <p>Cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022, hàm lượng cadmium nhỏ hơn hoặc bằng 90 mg/kg P205;          Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng.          (EU) 2019/1009 áp dụng</p> <p>Chỉ sử dụng hạn chế cho đất có tính kiềm (pH &gt; 7,5)</p>
<p>Xi kiềm (Phốt phát Thomas hoặc xi Thomas)</p>	<p>Sản phẩm thu được trong quá trình luyện sắt bằng cách xử lý quặng phốt pho nóng chảy và chứa canxi silicophosphat là thành phần thiết yếu.          Hàm lượng tối thiểu của các chất dinh dưỡng (phần trăm theo trọng lượng):</p> <p>12% P205</p> <p>Phốt pho được biểu thị dưới dạng phốt pho pentoxit hòa tan trong axit khoáng, trong đó ít nhất 75% hàm lượng phốt pho pentoxit đã công bố hòa tan trong axit citric 2%.</p> <p>hoặc</p> <p>10% P205</p> <p>Phốt pho được biểu thị dưới dạng phốt pho pentoxit hòa tan trong axit citric 2%.</p> <p>Kích thước hạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít nhất 75% có thể lọt qua rây có mắt lưới 0,160 mm</li> <li>- Ít nhất 96% có thể lọt qua rây có mắt lưới 0,630 mm</li> </ul> <p>Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng.          (EU) 2019/1009 áp dụng</p>
<p>Muối kali thô</p>	<p>sản phẩm thu được từ muối kali thô</p> <p>Hàm lượng tối thiểu của các chất dinh dưỡng (phần trăm theo trọng lượng):</p> <p>9% K2O</p> <p>Kali được biểu thị dưới dạng K2O hòa tan trong nước.</p> <p>2% MgO</p> <p>Magie ở dạng muối hòa tan trong nước, được biểu thị dưới dạng magie oxit.</p> <p>Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng.          (EU) 2019/1009 áp dụng</p>
<p>Kali sunfat, có thể chứa muối magie.</p>	<p>Sản phẩm thu được từ muối kali thô bằng quy trình chiết xuất vật lý, có thể chứa cả muối magie.</p>
<p>Cọc gỗ và chiết xuất cọc gỗ</p>	<p>bã amoni không bao gồm</p>

Ví dụ như canxi cacbonat: phấn, đá vôi sét, đá vôi nghiền, chất cải tạo đất Breton (maerl), phân photphat.	chỉ có nguồn gốc tự nhiên
Chất thải động vật thân mềm	chỉ từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, theo Điều 2 của Quy định (EU) số 1380/2013
Vỏ trứng	nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp bị cấm
Magiê và canxi cacbonat	chỉ có nguồn gốc tự nhiên ví dụ như phân magiê, magiê nghiền, đá vôi
Magiê sunfat (kieserit)	chỉ có nguồn gốc tự nhiên
Dung dịch canxi clorua	Chỉ dùng để phun lên lá cây táo, nhằm ngăn ngừa tình trạng thiếu canxi.
Canxi sunfat (thạch cao)	Sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, chứa canxi sunfat ở các mức độ hydrat hóa khác nhau.  Hàm lượng tối thiểu các chất dinh dưỡng (phần trăm theo trọng lượng): 25 % CaO  35% SO <sub>3</sub> Canxi và lưu huỳnh được biểu thị dưới dạng tổng CaO + SO <sub>3</sub> Độ mịn của bột xay: – Ít nhất 80% phải lọt qua rây có mắt lưới rộng 2 mm. – Ít nhất 99% phải lọt qua rây có mắt lưới rộng 10 mm.  Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng. (EU) 2019/1009 áp dụng
Vôi công nghiệp từ sản xuất đường	Sản phẩm phụ của quá trình sản xuất đường từ củ cải đường và mía đường.
Vôi công nghiệp từ sản xuất muối chân không là sản phẩm	phụ của quá trình sản xuất muối chân không từ nước muối tìm thấy ở vùng núi.
Lưu huỳnh nguyên tố	cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: như được liệt kê theo Phần D của Phụ lục I. Quy định (EC) số 2003/2003  Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng. (EU) 2019/1009 áp dụng
Phân bón vi chất dinh dưỡng vô cơ	cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: như được liệt kê theo Phần E của Phụ lục I. Quy định (EC) số 2003/2003;  Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng. (EU) 2019/1009 áp dụng
Natri clorua	
Bột đá, đất sét và khoáng chất đất sét	
Leonardite (Trầm tích hữu cơ thô giàu axit humic)	chỉ khi được thu được như một sản phẩm phụ của hoạt động khai thác mỏ.
Axit humic và axit fulvic	Chỉ khi thu được từ các muối/dung dịch vô cơ, không bao gồm muối amoni; hoặc thu được từ quá trình lọc nước uống.
Xylitol	Chỉ khi được thu được như một sản phẩm phụ của hoạt động khai thác mỏ (ví dụ: sản phẩm phụ của khai thác than nâu).
Chitin (Polysaccharide thu được từ vỏ của động vật giáp xác)	thu được từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, theo Điều 2 của Quy định (EU) số 1380/2013

<p>Trầm tích giàu chất hữu cơ ( 1 ) từ các nguồn nước ngọt được hình thành trong điều kiện không có oxy (Tỏi sapropel)</p>	<p>Chỉ bao gồm các trầm tích hữu cơ là sản phẩm phụ của quá trình quản lý nguồn nước ngọt hoặc được khai thác từ các khu vực nước ngọt trước đây.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, việc khai thác nên được thực hiện theo cách gây tác động tối thiểu đến hệ sinh thái thủy sinh.</p> <p>Chỉ những trầm tích có nguồn gốc từ các khu vực không bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu, chất ô nhiễm hữu cơ bền vững và các chất tương tự xăng dầu mới được xem xét.</p> <p>Tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: nồng độ tối đa tính bằng mg/kg chất khô: cadmium: 0,7; đồng: 70; niken: 25; chì: 45; kẽm: 200; thủy ngân: 0,4; crom (tổng): 70; crom (VI): không phát hiện được</p> <p>Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng. (EU) 2019/1009 áp dụng</p>
<p>Than sinh học - sản phẩm nhiệt phân được tạo ra từ nhiều loại vật liệu hữu cơ có nguồn gốc thực vật và được sử dụng như một chất cải tạo đất.</p>	<p>Chỉ từ nguyên liệu thực vật, khi được xử lý sau thu hoạch chỉ bằng các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục I.</p> <p>Cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: giá trị tối đa là 4 mg hydrocarbon thơm đa vòng (PAH) trên mỗi kg chất khô (DM)</p> <p>Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định sẽ được áp dụng. (EU) 2019/1009 áp dụng</p>

( 1 ) Ở đây 'hữu cơ' được sử dụng theo nghĩa hóa học hữu cơ, chứ không phải nông nghiệp hữu cơ

## PHỤ LỤC III

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc trong sản xuất thức ăn chăn nuôi.

## PHẦN A

Nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ được phép có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất được đề cập trong điểm (c) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

## (1) NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN CÓ NGUỒN GỐC KHOÁNG SẢN

Số trong danh mục thức ăn chăn nuôi ( 1 )	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
11.1.1	Canxi cacbonat	
11.1.2	Vỏ sò biển chứa canxi	
11.1.4	Maerl	
11.1.5	Lithothamn	
11.1.13	Canxi gluconat	
11.2.1	Magie oxit	
11.2.4	Magie sunfat khan	
11.2.6	Magiê clorua	
11.2.7	Magiê cacbonat	
11.3.1	Dicalcium phosphate	
11.3.3	Monocalcium phosphate	
11.3.5	Canxi-magiê photphat	
11.3.8	Magie photphat	
11.3.10	Mononatri photphat	
11.3.16	Canxi natri photphat	
11.3.17	Monoammonium phosphate (Ammonium dihydrogen orthophosphate)	chỉ dành cho nuôi trồng thủy sản
11.4.1	Natri clorua	
11.4.2	Natri bicacbonat	
11.4.4	Natri cacbonat	
11.4.6	Natri sunfat	
11.5.1	Kali clorua	

( 1 ) Phù hợp với Quy định của Ủy ban (EU) số 68/2013 ngày 16 tháng 1 năm 2013 về Danh mục nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (OJ L 29, 30.1.2013, trang 1).

## (2) NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN KHÁC

Số trong danh mục	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
thức ăn chăn nuôi ( 1 )		
10	Bột, dầu và các nguyên liệu thức ăn khác có nguồn gốc từ cá hoặc các động vật thủy sinh khác.	<p>với điều kiện chúng được thu hoạch từ các ngư trường đã được chứng nhận là bền vững theo một chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013</p> <p>với điều kiện là chúng được sản xuất hoặc điều chế mà không sử dụng dung môi tổng hợp hóa học.</p> <p>Việc sử dụng chúng chỉ được phép đối với gia súc không ăn cỏ.</p> <p>Việc sử dụng protein thủy phân từ cá chỉ được phép đối với gia súc non không ăn cỏ.</p>
10	Bột, dầu và các nguyên liệu thức ăn khác có nguồn gốc từ cá, động vật thân mềm hoặc giáp xác.	<p>dành cho động vật nuôi ăn thịt</p> <p>từ các nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo một chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1(c) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848</p> <p>có nguồn gốc từ phần thừa của cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm đã được đánh bắt để tiêu thụ cho con người theo điểm 3.1.3.3(c) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, hoặc có nguồn gốc từ toàn bộ cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm được đánh bắt nhưng không được sử dụng để tiêu thụ cho con người theo điểm 3.1.3.3(d) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848</p>
10	Bột cá và dầu cá	<p>trong giai đoạn nuôi lớn, đối với cá ở vùng nước nội địa, tôm penaeid và tôm càng nước ngọt cũng như các loài cá nước ngọt nhiệt đới.</p> <p>từ các nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo một chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1(c) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848</p> <p>Chỉ khi nguồn thức ăn tự nhiên trong ao và hồ không có đủ, tối đa 25% bột cá và 10% dầu cá được phép sử dụng trong khẩu phần ăn của tôm sú và tôm càng nước ngọt (<i>Macrobrachium</i> spp.) và tối đa 10% bột cá hoặc dầu cá được phép sử dụng trong khẩu phần ăn của cá tra (<i>Pangasius</i> spp.), theo điểm 3.1.3.4(c)(i) và (ii) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848</p>
ví dụ 12.1.5	Nấm men	<p>Nấm men thu được từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i> hoặc <i>Saccharomyces carlsbergensis</i>, được bất hoạt dẫn đến không còn vi sinh vật sống.</p> <p>khí không có sẵn từ nguồn sản xuất hữu cơ</p>
ví dụ 12.1.12	Sản phẩm men	<p>Sản phẩm lên men thu được từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, <i>Saccharomyces carlsbergensis</i>, đã được bất hoạt dẫn đến không còn vi sinh vật sống và chứa các thành phần của nấm men.</p> <p>khí không có sẵn từ nguồn sản xuất hữu cơ</p>

	Cholesterol	Sản phẩm thu được từ mỡ cừu (lanolin) bằng phương pháp xà phòng hóa, tách chiết và kết tinh, từ động vật có vỏ hoặc các nguồn khác. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng định lượng của tôm sú và tôm càng nước ngọt ( <i>Macrobrachium spp.</i> ) trong giai đoạn nuôi thương phẩm và các giai đoạn đầu đời tại trại giống và vườn ương. khi không có sẵn từ nguồn sản xuất hữu cơ
	Thảo dược	theo điểm (e)(iv) của Điều 24(3) của Quy định (EU) 2018/848, cụ thể là:  - khi không có sẵn ở dạng hữu cơ - Được sản xuất/chế biến mà không sử dụng dung môi hóa học - tối đa 1% trong khẩu phần ăn
	Mật mía	theo điểm (e)(iv) của Điều 24(3) của Quy định (EU) 2018/848, cụ thể là:  - khi không có sẵn ở dạng hữu cơ - Được sản xuất/chế biến mà không sử dụng dung môi hóa học - tối đa 1% trong khẩu phần ăn
	thực vật phù du động vật phù du	Và chỉ trong giai đoạn nuôi ấu trùng của cá thể non hữu cơ
	các hợp chất cụ thể	protein Theo điểm 1.9.3.1(c) và 1.9.4.2(c) của Quy định (EU) 2018/848, cụ thể là:  - cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, - khi không có sẵn ở dạng hữu cơ, - được sản xuất/chế biến mà không sử dụng dung môi hóa học, - Dùng để cho heo con nặng đến 35 kg hoặc gia cầm non ăn, - Tối đa 5% chất khô trong thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp trong mỗi chu kỳ 12 tháng
	Gia vị	theo điểm (e)(iv) của Điều 24(3) của Quy định (EU) 2018/848, cụ thể là:  - khi không có sẵn ở dạng hữu cơ - Được sản xuất/chế biến mà không sử dụng dung môi hóa học - tối đa 1% trong khẩu phần ăn

( 1 ) Phù hợp với Quy định (EU) số 68/2013.

#### PHẦN B

Các chất phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong dinh dưỡng động vật được đề cập trong điểm (d) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

Các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi được liệt kê trong Phần này phải được cấp phép theo Quy định (EC) số 1831/2003.

Các điều kiện cụ thể được nêu ở đây sẽ được áp dụng bổ sung vào các điều kiện của giấy phép theo Quy định (EC) số 1831/2003.

#### (1) PHỤ GIA CÔNG NGHỆ

##### (a) Chất bảo quản

số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
E 200	Axit sorbic	
E 236	Axit formic	
E 237	Natri format	

E 260	Axit axetic	
E 270	Axit lactic	
E 280	Axit propionic	
E 330	Axit citric	

## (b) Chất chống oxy hóa

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
1b306(i)	Chiết xuất tocopherol từ dầu thực vật	
1b306(ii)	Chiết xuất giàu tocopherol từ dầu thực vật (giàu delta)	

## (c) Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm đặc và chất tạo gel

số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
1c322, 1c322i	Lecithin	Chỉ khi được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ. Chỉ sử dụng cho thức ăn chăn nuôi thủy sản.

## (d) Chất kết dính và chất chống vón cục

số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
E 412	Cao su Guar	
E 535	Natri ferrocyanide	Hàm lượng tối đa: 20 mg/kg NaCl tính theo anion ferrocyanide
E 551b	Silica dạng keo	
E 551c	Kieselgur (đất tảo cát đã tinh chế)	
1m558i	Bentonit	
E 559	Đất sét cao lanh, không chứa amiăng	
E 560	Hỗn hợp tự nhiên của steatit và clorit	
E 561	Vermiculite	
E 562	Sepiolite	
E 566	Natrolite-Phonolite	
1g568	Clinoptilolite có nguồn gốc trầm tích	
E 599	Perlite	

## (e) Phụ gia ủ chua

Số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
1k	Enzyme, vi sinh vật	Chỉ được phép sử dụng để đảm bảo quá trình lên men diễn ra đầy đủ.
1k236	Axit formic	
1k237	Natri format	
1k280	Axit propionic	
1k281	Natri propionat	

## (2) PHỤ GIA CẨM QUAN

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
ví dụ 2a	Astaxanthin	Chỉ khi có nguồn gốc từ các nguồn hữu cơ, chẳng hạn như vỏ giáp xác hữu cơ. Chỉ nên bổ sung vào khẩu phần ăn của cá hồi và cá trout trong giới hạn nhu cầu sinh lý của chúng. Nếu không có astaxanthin có nguồn gốc hữu cơ, có thể sử dụng astaxanthin từ nguồn tự nhiên, ví dụ như... Phaffia rhodozyma giàu astaxanthin
bài tập 2b	Các hợp chất tạo hương vị	Chỉ chiết xuất từ các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm chiết xuất hạt dẻ (Castanea sativa Mill.).

## (3) PHỤ GIA DINH DƯỠNG

## (a) Vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự

Số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
ví dụ 3a	Vitamin và tiền vitamin	Có nguồn gốc từ sản phẩm nông nghiệp Nếu không có sẵn từ các sản phẩm nông nghiệp: - Chỉ những loại vitamin có nguồn gốc tổng hợp mới được sử dụng cho động vật đơn dạ dày và động vật nuôi trồng thủy sản, giống hệt với các loại vitamin có nguồn gốc từ nông sản. - Chỉ các vitamin A, D và E được tổng hợp nhân tạo mới được phép sử dụng cho động vật nhai lại; việc sử dụng phải được sự cho phép trước của cơ quan có thẩm quyền. Các quốc gia thành viên dựa trên đánh giá về khả năng động vật nhai lại hữu cơ có thể thu được lượng vitamin cần thiết thông qua khẩu phần ăn của chúng.
3a920	Betain khan	Chỉ dành cho động vật đơn dạ dày Từ sản xuất hữu cơ; nếu không có sẵn, thì từ nguồn gốc tự nhiên.

(b) Các hợp chất của nguyên tố vi lượng

số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
3b101	Sắt(II) cacbonat (siderit)	
3b103	Sắt(II) sunfat monohydrat	
3b104	Sắt(II) sunfat heptahydrat	
3b201	Kali iodua	
3b202	Canxi iodat khan	
3b203	Canxi iodat khan dạng hạt được phủ lớp	
3b301	Coban(II) axetat tetrahydrat	
3b302	Cacbonat coban(II)	
3b303	Coban(II) cacbonat hidroxit (2:3) monohydrat	
3b304	Cacbonat coban(II) dạng hạt được phủ	
3b305	Coban(II) sunfat heptahydrat	
3b402	Đồng(II) cacbonat dihydroxy monohydrat	
3b404	Đồng (II) oxit	
3b405	Đồng(II) sunfat pentahydrat	
3b409	Đồng clorua trihydroxide	
3b502	Mangan (II) oxit	
3b503	Mangan sunfat monohydrat	
3b603	Kẽm oxit	
3b604	Kẽm sunfat heptahydrat	
3b605	Kẽm sunfat monohydrat	
3b609	Kẽm clorua hydroxit monohydrat	
3b701	Natri molybdat dihydrat	
3b801	Natri selenit	
3b802 3b803	Natri selenit dạng hạt được phủ lớp bảo vệ Natri selenat	
3b810	Men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3060 đã được selen hóa, bất hoạt.	
3b811	Men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R397 đã được selen hóa, bất hoạt.	
3b812	Nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3399 đã được selen hóa, bất hoạt.	
3b813	Men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R646 đã được selen hóa, bất hoạt.	
3b817	Nấm men được selen hóa, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R645 bị bất hoạt	

(c) Axit amin, muối và các chất tương tự của chúng

Số định danh hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
3c3.5.1 và 3c352	L-histidine monohydrochloride monohydrate	được tạo ra thông qua quá trình lên men Có thể sử dụng histidine trong khẩu phần ăn cho cá hồi khi các nguồn thức ăn được liệt kê trong điểm 3.1.3.3 của Phần II Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 không cung cấp đủ lượng histidine để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cá.

(4) PHỤ GIA CHẤM NUÔI

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
4a, 4b, 4c và 4d:	Enzyme và vi sinh vật	

## PHỤ LỤC IV

Các sản phẩm được phép sử dụng để làm sạch và khử trùng được đề cập trong các điểm (e), (f) và (g) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

## PHẦN A

Sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng ao, chuồng, bể, máng dẫn nước, nhà kho hoặc các công trình dùng trong chăn nuôi.

## PHẦN B

Các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và công trình được sử dụng trong sản xuất thực vật, bao gồm cả kho chứa trong trang trại nông nghiệp.

## PHẦN C

Các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng trong các cơ sở chế biến và lưu trữ.

## PHẦN D

Sản phẩm được đề cập trong Điều 12(1) của Quy định này

Các sản phẩm sau đây hoặc các sản phẩm có chứa các hoạt chất sau đây được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) Không được sử dụng chất số 889/2008 làm sản phẩm diệt khuẩn:

- xút ăn da;
  - kali hydroxit;
  - axit oxalic;
  - Tinh chất tự nhiên từ thực vật, ngoại trừ dầu hạt lanh, dầu oải hương và dầu bạc hà;
  - axit nitric;
  - axit photphoric;
  - natri cacbonat;
  - đồng sunfat;
  - kali permanganat;
  - Bánh hạt trà làm từ hạt trà hoa trà tự nhiên;
  - axit humic;
  - Các axit peroxyacetic, ngoại trừ axit peracetic.
-

## PHỤ LỤC V

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến và men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

## PHẦN A

Các chất phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được phép đề cập trong điểm (a) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848

## PHẦN A1 - PHỤ GIA THỰC PHẨM, BAO GỒM CÁC CHẤT MANG

Các thực phẩm hữu cơ được phép thêm phụ gia thực phẩm nằm trong giới hạn cho phép theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Các điều kiện và hạn chế cụ thể được nêu ở đây sẽ được áp dụng bổ sung vào các điều kiện của giấy phép theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Để phục vụ cho việc tính toán tỷ lệ phần trăm được đề cập trong Điều 30(5) của Quy định (EU) 2018/848, phụ gia thực phẩm được đánh dấu bằng dấu hoa thị trong cột mã số sẽ được tính là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp.

Mã số	Tên	Thực phẩm hữu cơ có thể được thêm vào	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
E 153	Than thực vật	lớp vỏ phôi mai ăn được của phôi mai dê tro Phôi mai Morbier	
E 160b(i)*	chiết xuất annatto	Phôi mai Red Leicester Phôi mai Gloucester kép Cheddar Phôi mai Mimolette	
E 160b(ii)*	Annatto norbixin	Phôi mai Red Leicester Phôi mai Gloucester kép Cheddar Phôi mai Mimolette	
E 170	Canxi cacbonat	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật không được sử dụng để tạo màu hoặc làm giàu canxi cho sản phẩm.	
E 220	Rượu trái cây có chứa	sulfur dioxide (rượu làm từ các loại trái cây khác ngoài nho, bao gồm cả rượu táo và rượu lê) và rượu mật ong có hoặc không thêm đường.	100 mg/l (nồng độ tối đa có thể thu được từ tất cả các nguồn, được biểu thị dưới dạng SO <sub>2</sub> tính bằng mg/l)
E 223	Natri metabisunfit	động vật giáp xác	
E 224	Kali metabisunfit	Rượu trái cây (rượu làm từ các loại trái cây khác ngoài nho, bao gồm cả rượu táo và rượu lê) và rượu mật ong có hoặc không thêm đường.	100 mg/l (nồng độ tối đa có thể thu được từ tất cả các nguồn, được biểu thị dưới dạng SO <sub>2</sub> tính bằng mg/l)
E250	sản phẩm thịt chứa	natri nitrit	Phương án này chỉ được sử dụng nếu đã chứng minh được một cách thỏa đáng cho cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp công nghệ thay thế nào khác, cung cấp các đảm bảo tương tự và/hoặc cho phép duy trì các đặc tính cụ thể của sản phẩm, là khả thi.

			<p>không được kết hợp với E252</p> <p>Lượng NaNO<sub>2</sub> tối đa được đưa vào (tính theo NaNO<sub>2</sub>): 80 mg/kg, lượng NaNO<sub>2</sub> còn lại tối đa (tính theo NaNO<sub>2</sub>): 50 mg/kg</p>
E252	Kali nitrat	sản phẩm thịt	<p>Phương án này chỉ được sử dụng nếu đã chứng minh được một cách thỏa đáng cho cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp công nghệ thay thế nào khác, cung cấp các đảm bảo tương tự và/hoặc cho phép duy trì các đặc tính cụ thể của sản phẩm, là khả thi.</p> <p>Không được kết hợp với E250</p> <p>Lượng NaNO<sub>3</sub> tối đa được đưa vào (tính theo NaNO<sub>3</sub>): 80 mg/kg, lượng NaNO<sub>3</sub> còn lại tối đa (tính theo NaNO<sub>3</sub>): 50 mg/kg</p>
E 270	Axit lactic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 290	Các sản phẩm carbon dioxide	có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 296	Axit malic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 300	Axit ascorbic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm thịt	
E 301	Natri ascorbat	sản phẩm thịt	Chỉ được sử dụng khi kết hợp với nitrat và nitrit.
E 306*	Giàu Tocopherol chiết xuất	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	chất chống oxy hóa
E 322*	Lecithin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa	chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 325	Các sản phẩm natri lactat	có nguồn gốc thực vật các sản phẩm từ sữa và thịt	
E 330	Axit citric	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 331	Natri citrat, sản phẩm	có nguồn gốc thực vật và động vật.	
E 333	Canxi citrat, sản phẩm	có nguồn gốc thực vật	
E 334	Axit tartaric (L(+)-)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật <small>siêu ngọt ong</small>	
E 335	Natri tartrat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 336	Kali tartrat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 341(i)	Monocalcium phosphate	bột mì tự nở	đại lý gây quỹ
E 392*	Trich đoạn của Hương thảo	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, chỉ	được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

E 400	Axit alginic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa	
E 401	Sản phẩm natri alginat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa xúc xích làm từ thịt	
E 402	Kali alginat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm từ sữa	
E 406	Đề có thể	sản phẩm có nguồn gốc thực vật các sản phẩm từ sữa và các sản phẩm từ thịt	
E 407	Carrageenan	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm từ sữa	
E 410*	Đậu carob <small>keo cao su</small>	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, chỉ	được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.
E 412*	Cao su Guar	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, chỉ	được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.
E 414*	Nhựa cây Ả Rập	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, chỉ	được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.
E 415	Các sản phẩm kẹo cao su	xanthan có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 417	Cao su Tara	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	chất làm đặc chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 418	Gellan gum	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	chỉ ở dạng acyl cao Chỉ áp dụng cho sản phẩm hữu cơ, có hiệu lực kể từ ngày... Ngày 1 tháng 1 năm 2023
E 422	Glycerol	chiết xuất thực vật hương liệu	chỉ có nguồn gốc thực vật dung môi và chất mang trong chiết xuất thực vật và hương liệu chất giữ ẩm trong viên nang gel lớp phủ bề mặt của viên thuốc chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 440(i)*	Pectin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm từ sữa	
E 460	Xenluloza	gelatin	
E 464	Hydroxypropyl methyl cellulose	vật liệu đóng gói dạng viên nang, có nguồn gốc thực vật và động vật.	
500	Natri cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 501	Kali cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 503	Amoni cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 504	Magiê cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 509	Canxi clorua	Các sản phẩm từ sữa	chất đông máu

E 516	Canxi sunfat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	hàng vận chuyển
E 524	Natri hydroxit	'Bánh quy xoắn' hương liệu	xử lý bề mặt chất điều chỉnh độ axit
E 551	Silic dioxide	Các loại thảo mộc và gia vị ở dạng bột khô, hương liệu keo ong	
E 553b	Bột talc	xúc xích làm từ thịt	xử lý bề mặt
E 901	Sáp ong	bánh kẹo	chất làm bóng chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 903	Kẹo làm từ sáp Carnauba	quả họ cam quýt	chất làm bóng Phương pháp giảm thiểu tác hại của việc xử lý lạnh cực độ bắt buộc đối với trái cây như một biện pháp kiểm dịch bắt buộc nhằm chống lại các sinh vật gây hại theo Nghị định thực thi của Ủy ban. Chỉ thị (EU) 2017/1279 ( 1 ) chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 938	Argon	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 939	Heli	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 941	Nitơ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 948	Ôxy	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 968	Erythritol	Sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, chỉ được sản xuất hữu cơ mà không sử dụng công nghệ trao đổi ion.	

( 1 ) Chỉ thị thực thi của Ủy ban (EU) 2017/1279 ngày 14 tháng 7 năm 2017 sửa đổi Phụ lục I đến V của Chỉ thị 2000/29/EC của Hội đồng về các biện pháp bảo vệ chống lại việc đưa vào Cộng đồng các sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật và chống lại sự lây lan của chúng trong Cộng đồng (OJ L 184, 15.7.2017, tr. 33).

PHẦN A2 - CÁC CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC CÓ THỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH CHẾ BIẾN  
THÀNH PHẦN CÓ NGUỒN GỐC NÔNG NGHIỆP TỪ SẢN XUẤT HỮU CƠ

Các điều kiện và hạn chế cụ thể được nêu ở đây sẽ được áp dụng bổ sung vào các điều kiện của giấy phép theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Tên	Chỉ được phép chế biến các loại thực phẩm hữu cơ sau đây:	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
Nước	các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật, nước uống theo nghĩa của Chỉ thị của Hội đồng.	động vật, nước uống theo nghĩa của Chỉ thị của Hội đồng. 98/83/EC ( 1 )
Canxi clorua	sản phẩm có nguồn gốc thực vật xúc xích làm từ thịt	chất đông máu
Canxi cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Canxi hydroxit	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	

Canxi sunfat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	chất đông máu
Magiê clorua (hoặc nigari)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	chất đông máu
Kali cacbonat	Quả nho	chất làm khô
Natri cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Axit lactic	Phô mai	để điều chỉnh độ pH của dung dịch nước muối trong quá trình sản xuất phô mai.
Axit L(+)lactic từ quá trình lên men	chiết xuất protein thực vật	
Axit citric	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Natri hydroxit	Đường(s) dầu có nguồn gốc thực vật (không bao gồm dầu ô liu) chiết xuất protein thực vật	
Axit sulfuric	gelatin đường(s)	
Chiết xuất hoa bia	đường	chỉ dùng cho mục đích kháng khuẩn từ sản xuất hữu cơ, nếu có sẵn.
chiết xuất nhựa thông	đường	chỉ dùng cho mục đích kháng khuẩn từ sản xuất hữu cơ, nếu có sẵn.
Axit clohidric	gelatin Phô mai Gouda, Edam và Maasdammer, Boerenkaas, Frisian và Phô mai Leiden Nail	Sản xuất gelatin tuân thủ theo Quy định (EC) Nghị định số 853/2004 của Nghị viện Châu Âu và của... Hội đồng ( 2 ) để điều chỉnh độ pH của dung dịch nước muối trong quá trình chế biến phô mai.
Amoni hydroxit	Gelatin	Sản xuất gelatin tuân thủ theo Quy định (EC) Số 853/2004
Hydrogen peroxide	Gelatin	Sản xuất gelatin tuân thủ theo Quy định (EC) Số 853/2004
Khí cacbonic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Nitơ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Ethanol	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	dung môi
Axit tannic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	chất trợ lọc
lòng trắng trứng albumin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Casein	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Gelatin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Isinglass	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	

Dầu thực vật	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	vật, chất bôi trơn, chất tách khuôn hoặc chất chống tạo bọt chỉ được sản xuất hữu cơ.
Gel silicon dioxide hoặc dung dịch keo	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Than hoạt tính (CAS-7440-44-0)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Bột talc	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	tuân thủ các tiêu chí độ tinh khiết cụ thể dành cho phụ gia thực phẩm E 553b
Bentonit	sản phẩm có nguồn gốc thực vật rượu mật ong	chất kết dính cho rượu mật ong
Xenluloza	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatin	
Đất tảo cát	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatin	
Perlite	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatin	
Vỏ hạt phi	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Cơm	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Sáp ong	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	chất giải phóng chỉ từ sản xuất hữu cơ
Sáp Carnauba	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	chất giải phóng chỉ từ sản xuất hữu cơ
Axit axetic/giấm	sản phẩm có nguồn gốc thực vật; cá	chỉ từ sản xuất hữu cơ từ quá trình lên men tự nhiên
Thiamin hydrochloride	rượu trái cây, rượu táo, rượu lê và rượu mật ong	
Diammonium phosphat	rượu trái cây, rượu táo, rượu lê và rượu mật ong	
Sợi gỗ	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	vật, nguồn gỗ nên được hạn chế ở các nguồn được chứng nhận. gỗ khai thác bền vững Gỗ sử dụng không được chứa các thành phần độc hại (chất xử lý sau thu hoạch, độc tố tự nhiên hoặc độc tố từ vi sinh vật).

( 1 ) Chỉ thị của Hội đồng 98/83/EC ngày 3 tháng 11 năm 1998 về chất lượng nước dùng cho con người (OJ L 330, 5.12.1998, trang 32).

( 2 ) Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 quy định các quy tắc vệ sinh cụ thể cho thực phẩm có nguồn gốc động vật (OJ L 139, 30.4.2004, tr. 55)

## PHẦN B

Các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được đề cập trong điểm (b) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
Tảo Arame ( <i>Eisenia bicyclis</i> ), cả dạng chưa qua chế biến và các sản phẩm của giai đoạn chế biến đầu tiên có liên quan trực tiếp đến loại tảo này.	
Tảo Hijiki ( <i>Hizikia fusiforme</i> ), cả dạng chưa qua chế biến và các sản phẩm của giai đoạn chế biến đầu tiên có liên quan trực tiếp đến loại tảo này.	
Vỏ cây Pau d'arco <i>Handroanthus impetiginosus</i> ('lapacho')	Chỉ dùng để pha Kombucha và các loại trà khác.
Vỏ bọc	Từ nguyên liệu thô tự nhiên có nguồn gốc động vật hoặc thực vật.
Gelatin	từ các nguồn khác ngoài nguồn gốc lợn
Sữa bột/sữa lỏng khoáng chất	chỉ khi được sử dụng cho chức năng cảm quan của nó để thay thế hoàn toàn hoặc một phần natri clorua
Cá và động vật thủy sinh hoang dã, cả dạng chưa qua chế biến và các sản phẩm chế biến từ chúng.	chỉ từ các ngư trường đã được chứng nhận là bền vững theo một chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1 (c) của Phần III Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 chỉ khi không có sẵn trong nuôi trồng thủy sản hữu cơ

## PHẦN C

Các chất hỗ trợ chế biến được phép và các sản phẩm khác để sản xuất men và các sản phẩm từ men được đề cập trong điểm (c) của Điều 24(2) của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Nấm men sơ cấp	Men sản xuất/ bánh kẹo/ công thức	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
Canxi clorua	X		
Khí cacbonic	X	X	
Axit citric	X		để điều chỉnh độ pH trong sản xuất nấm men
Axit lactic	X		để điều chỉnh độ pH trong sản xuất nấm men
Nitơ	X	X	
Ôxy	X	X	
Tinh bột khoai tây	X	X	để lọc chỉ từ sản xuất hữu cơ
Natri cacbonat	X	X	để điều chỉnh độ pH
Dầu thực vật	X	X	chất bôi trơn, chất tách khuôn hoặc chất chống tạo bọt chỉ từ sản xuất hữu cơ

## PHẦN D

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất và bảo quản các sản phẩm nho hữu cơ thuộc ngành rượu vang được đề cập tại điểm 2.2 của Phần VI Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Số ID	Tài liệu tham khảo trong Phụ lục I Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934	Các điều kiện và giới hạn cụ thể
Không khí		Phần A, Bảng 1, điểm 1 và 8	
Oxy dạng khí	E 948 CAS 17778- 80-2	Phần A, Bảng 1, điểm 1 Phần A, Bảng 2, điểm 8.4	
Argon	E 938 CAS 7440-37-1	Phần A, Bảng 1, điểm 4 Phần A, Bảng 2, điểm 8.1	Không được dùng để tạo bọt.
Nitơ	E 941 CAS 7727-37-9	Phần A, Bảng 1, điểm 4, 7 và 8 Phần A, Bảng 2, điểm 8.2	
Khí cacbonic	E 290 CAS 124-38-9	Phần A, Bảng 1, điểm 4 và 8 Phần A, Bảng 2, điểm 8.3	
Những mảnh gỗ sồi		Phần A, Bảng 1, điểm 11	
Axit tartaric (L(+)-)	E 334 CAS 87-69-4	Phần A, Bảng 2, điểm 1.1	
Axit lactic	E 270	Phần A, Bảng 2, điểm 1.3	
Kali L(+)-tartrat	E 336(ii) CAS 921- 53-9	Phần A, Bảng 2, điểm 1.4	
Kali bicacbonat	E 501(ii) CAS 298- 14-6	Phần A, Bảng 2, điểm 1.5	
Canxi cacbonat	E 170 CAS 471-34-1	Phần A, Bảng 2, điểm 1.6	
Canxi sunfat	E 516	Phần A, Bảng 2, điểm 1.8	
Lưu huỳnh đioxit	E 220 CAS 7446-09-5	Phần A, Bảng 2, điểm 2.1	Hàm lượng sulfur dioxide tối đa không được vượt quá 100 miligam trên lít đối với rượu vang đó như đã đề cập tại điểm A.1.(a) của Phần B Phụ lục I của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934 và với mức đường dư thấp hơn 2 gam trên lít.
Kali bisunfit	E 228 CAS 7773-03-7	Phần A, Bảng 2, điểm 2.2	
Kali metabisunfit	E 224 CAS 16731-55-8	Phần A, Bảng 2, điểm 2.3	

			<p>Hàm lượng sulfur dioxide tối đa không được vượt quá 150 miligam trên lít đối với rượu vang trắng và rượu vang hồng như đã đề cập tại điểm A.1.(b) của Phần B Phụ lục I của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934 và với mức đường dư thấp hơn 2 gam trên lít.</p> <p>Đối với tất cả các loại rượu vang khác, hàm lượng sulfur dioxide tối đa được áp dụng theo Phần B của Phụ lục I của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934 sẽ được giảm 30 miligam trên lít.</p>
Axit ascorbic L	E 300	Phần A, Bảng 2, điểm 2.6	
Than củi dùng trong sản xuất rượu vang sử dụng		Phần A, Bảng 2, điểm 3.1	
Diammonium hydrogen phosphate	E 342/CAS 7783-28-0	Phần A, Bảng 2, điểm 4.2	
Thiamine hydrochloride CAS 67-03-8		Phần A, Bảng 2, điểm 4.5	
Chất tự phân hủy của nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 4.6	
Thành tế bào nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 4.7	
Nấm men bất hoạt		Phần A, Bảng 2, điểm 4.8 Phần A, Bảng 2, điểm 10.5 Phần A, Bảng 2, điểm 11.5	
Gelatin ăn được	CAS 9000-70-8	Phần A, Bảng 2, điểm 5.1	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Protein lúa mì		Phần A, Bảng 2, điểm 5.2	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Protein đậu Hà Lan		Phần A, Bảng 2, điểm 5.3	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Protein từ khoai tây		Phần A, Bảng 2, điểm 5.4	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Isinglass		Phần A, Bảng 2, điểm 5.5	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Casein	CAS 9005-43-0	Phần A, Bảng 2, điểm 5.6	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Kali caseinat	CAS 68131-54-4	Phần A, Bảng 2, điểm 5.7	
Albumin trứng	CAS 9006-59-1	Phần A, Bảng 2, điểm 5.8	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn

Bentonit	E 558	Phần A, Bảng 2, điểm 5.9	
Silicon dioxide (dung dịch dạng gel hoặc keo)	E 551	Phần A, Bảng 2, điểm 5.10	
Tanin		Phần A, Bảng 2, điểm 5.12 Phần A, Bảng 2, điểm 6.4	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Chitosan có nguồn gốc từ <i>Aspergillus niger</i>	CAS 9012-76-4	Phần A, Bảng 2, điểm 5.13 Phần A, Bảng 2, điểm 10.3	
Chiết xuất protein nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 5.15	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Kali alginat	E 402/CAS 9005-36-1	Phần A, Bảng 2, điểm 5.18	
Kali hydro tartrat	E336(i)/CAS 868-14-4	Phần A, Bảng 2, điểm 6.1	
Axit citric	E 330	Phần A, Bảng 2, điểm 6.3	
Axit metatartaric	E 353	Phần A, Bảng 2, điểm 6.7	
gôm arabic	E 414/CAS 9000-01-5	Phần A, Bảng 2, điểm 6.8	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có sẵn
Mannoprotein của nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 6.10	
Pectin lyase	EC 4.2.2.10	Phần A, Bảng 2, điểm 7.2	chỉ nhằm mục đích nghiên cứu rượu vang để làm rõ.
Pectin methylesterase	EC 3.1.1.11	Phần A, Bảng 2, điểm 7.3	chỉ nhằm mục đích nghiên cứu rượu vang để làm rõ.
Polygalacturonase	EC 3.2.1.15	Phần A, Bảng 2, điểm 7.4	chỉ nhằm mục đích nghiên cứu rượu vang để làm rõ.
Hemicellulase	EC 3.2.1.78	Phần A, Bảng 2, điểm 7.5	chỉ nhằm mục đích nghiên cứu rượu vang để làm rõ.
Cellulase	EC 3.2.1.4	Phần A, Bảng 2, điểm 7.6	chỉ nhằm mục đích nghiên cứu rượu vang để làm rõ.
Sản vì rượu xuất nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 9.1	Đối với từng chủng men riêng lẻ, nên chọn loại hữu cơ nếu có.
Vi khuẩn axit lactic		Phần A, Bảng 2, điểm 9.2	
Đồng citrat	CAS 866-82-0	Phần A, Bảng 2, điểm 10.2	
Nhựa thông Aleppo		Phần A, Bảng 2, điểm 11.1	
Cận tươi		Phần A, Bảng 2, điểm 11.2	chỉ từ sản xuất hữu cơ

PHỤ LỤC VI

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ tại một số khu vực của các nước thứ ba theo quy định.  
Điều 45(2) của Quy định (EU) 2018/848

---